

**Sanh tử và tạo nghiệp đổ bể trôi buồm vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có thật tánh. Thấy rằng sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta “quán tưởng” ra là có thật tánh, là có thật, như ví dụ “hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm”.**

## 1. Tại sao phải quán?

Số thức hành chuyển hóa tâm thức của Phật giáo chia yếu gồm ba pháp: Chơn (hay Đốn), Quán, và Chơn Quán song tu. Ba pháp này dựa vào ba khả năng của tâm thức con người: Sự tập trung (Chơn), sự quan sát có khi cũng thêm với sự tưởng tượng (Quán), và thức hành của hai cái này cùng một lúc.

Quán là quán sát (to examine), quán tưởng (to visualize), tưởng tượng (to imagine); các học giả Tây phương dịch cho Quán bằng ba động từ này. Mục đích của thức hành quán là để thấy sự thật vô ngã và vô pháp.

Sanh tử và tạo nghiệp đổ bể trôi buồm vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có thật tánh. Thấy rằng sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta “quán tưởng” ra là có thật tánh, là có thật, như ví dụ “hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm”. Vô minh “quán tưởng” ra sanh tử, như Duy thức tông nói sanh tử là do thức “bīn”, nghĩa là thức “quán tưởng” ra. Thế nên, để tiêu trừ cái quán tưởng sai lầm và học việc này, chúng ta phải quán tưởng ngược lại: phải chánh quán rằng thật các pháp là vô thật tánh.

Thiền sư Tào Động Hư Nhãn (mất năm 1115) đời Lý nói:

*Tác hữu trư n sa hữu*

*Vì không nhĩ t thĩ t không.*

Có thể dễ dàng ra là: Lấy cái thực ở nông cạn mà nhìn thì thấy thật có. Lấy trí Bát-nhã sâu xa mà nhìn thì thấy thật không. “Bản lai vô nhĩ t vĩ t”, xưa nay không một vật, như Lạc Tịch Huệ Năng nói.

Thế nên quán là quán theo trí huệ để thấy bằng trí huệ: đưa cái thấy lầm của thực là có sanh tử trở lại trí huệ soi thấy sanh tử là không thật tánh. Như thế quán là đưa tợ ng trở về tánh: đưa giả tợ ng của sanh tử trở về thật tợ ng của sanh tử là vô thật tánh, là tánh Không.

Sanh tử là do thực vô minh (bị nếm sự chấp tánh) của chúng ta quán tợ ng thành. Thế nên chúng ta phải quán ngược lại, đưa đưa sanh tử trở về thật tợ ng của nó là vô thật tánh, là tánh Không.

Niệm tin sai lầm rằng mọi sự có thật tánh là những che chướng ngăn cách chúng ta với sự thật. Sự quán tợ ng vô thật tánh sẽ làm những che chướng ấy rời rạc, dần dần để lộ thực tại, sự thật của tất cả các pháp. Những che chướng ấy là phiền não chướng và sự tri chướng, cả hai đều được lập trên vô minh căn bản là tin tợ ng rằng có thật tánh. Xóa tan phiền não chướng và sự tri chướng để nhận mặt mặt căn bản, chúng ta sẽ thấy trực tiếp tánh Không, vì thực ra tánh Không vốn luôn luôn hiện diện ở trước mắt chúng ta.

Tánh Không là Niết bàn, Con đường, và Quả của Đạo Phật. Tánh Không là niết bàn của tất cả các tông phái Phật giáo. Bản tông phái chính của Phật giáo Tây Phương dựa vào tánh Không, nhất là dựa vào Trung Đạo của Bồ-tát Long Thụ.

Chúng ta, sự quán tợ ng Bản tôn (yidam) trong Kim Cương thừa, tại lúc khởi đầu, chúng ta, cho đến cuối cùng đều dựa vào tánh Không. Mọi nghi thức (sadhana) của các tông phái đều tuân theo trình tự này. Trước tiên, quy y và phát Bồ-đề tâm, rồi tiếp theo trong tánh Không quán tợ ng

đĩa mặt trời, mặt trăng, trên đó quán tánh ng B n tôn xuất hiện. Quán tánh ng B n tôn hòa nhập vào mình và tánh chú của B n tôn... Phóng ánh sáng đến tất cả chúng sanh... Cuộc thi khóa, mặt hiện tánh ng thi giới và chúng sanh tan hòa vào hành giới với tất cả cách là B n tôn, rời hành giới tan hòa vào tánh Không và Tánh Quang. Cuộc cùng quán sát tánh Không cho đến khi không thấy đến nhòa thì hết hành.

Theo các đời sơ Tây Tạng, sự quán tánh ng sắc thân của B n tôn (tức là Báo thân và Hóa thân của B n tôn) sự khi hành giới có đến sắc thân, tức là Báo thân và Hóa thân. Đây là sự tích tập công đức. Đến khi thấy, phải quán tánh ng hình tánh ng y là vô tướng, tuy xuất hiện nhưng vô tướng như như ngũ c u v ng. Sự quán tánh ng vô tướng hay tánh Không này khi hành giới có đến sắc Pháp thân. Đây là sự tích tập trí huệ. Nói theo ngôn ngữ kinh Bát-nhã, quán sắc đến tích tập công đức, và quán “sắc tức thị Không” là đến tích tập trí huệ. Cả hai sự tích tập này đến làm đến thấy, theo các đời sơ Tây Tạng, là mặt đến đến sắc của Kim C n ng th a.

Tánh Không là cái chung như tất cả hành giới, với thi giới, với chúng sanh, với B n tôn và với chư Phật. Tánh Không y còn đến gọi là Pháp thân.

## 2. Quán tánh Không theo Trung Quán luận.

Trung Luận, như tất cả các luận khác của Phật giáo, không phải chỉ bình diện lý luận và phân tích. Điều quan trọng là như lý luận phân tích là để thực hành. Phật giáo đi theo tiến trình Văn (nghe, đến), T (t duy, phân tích) và Tu (thực hành). Nếu chỉ xem Trung Luận như một tác phẩm triết học xuất sắc như các học giả Tây phương thường quan niệm thì rất u ng vì đã bỏ mất phần thực hành của nó.

Chính vì để thực hành quán tánh ng nên mặc dù nhan đề của ngài Long Th là Trung Luận hay Trung Đạo Luận, nhưng về sau, các đời sơ Trung Hoa (như là Tam Luận tông) lại thêm vào chữ Quán thành Trung Quán luận. Điều này cũng hợp lý vì mặt phẩm theo bản dịch của C u Ma La Th p đ u b t đ u b ng ch Quán hay Phá. Ch ng h n phẩm I, Phá Nhân Duyên. Phẩm VII, Quán Tam Tạng ng. Thấy ra tất cả các tác phẩm của ngài Long Th đ u dùng chữ Pariksa, đến của David J. Kalupahana dịch là Examination (khảo sát, quán sát). (Xem *Mulamadhyamakakatika of Nagarjuna*, David J. Kalupahana dịch và chú thích, Delhi 1996).

Trung Quán luận có tất cả 27 phẩm, 27 chương để quán tánh Không.

Ở đây chúng ta chỉ nói sơ lược về một phẩm, Quán vô Pháp, phẩm XVIII, gồm có mười hai bài kệ, để tìm hiểu pháp quán của Trung Quán luận. Điều chúng ta có thể ghi nhận là Quán vô Pháp, tức là Pháp niêm x, một trong Bốn Niêm X (Thân niêm x, Thọ niêm x, Tâm niêm x, và Pháp niêm x) chung cho tất cả Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền.

Muốn thực hiện pháp quán, chúng ta phải có một mặt để tiếp trung, một mặt để đỡ nhấc bàn, và đỡ nhấc càng sâu thì quán càng có hiệu lực. Đỡ nhấc càng sâu thì quán càng rõ.

*1. Nếu ngã đang nhận biết năm uẩn, thì ngã là sanh diệt. Nếu ngã khác với năm uẩn thì ngã phải có một tính chất chung phải năm uẩn.*

Chỉ ngã ở đây với chỉ tánh đang nghĩa, chúng ta có thể dùng chỉ nào cũng được. Nếu cho là có một cái ngã bất biến, thì một là nếu ngã đang nhận biết năm uẩn, ngã phải sanh diệt. Điều này không thể. Hai là ngã khác với năm uẩn thì ngã chỉ dính dáng gì với năm uẩn. Điều này cũng vô lý. Thế nên các pháp không có ngã, không có tánh.

*2. Không có ngã thì làm sao có cái gì thu摄 với ngã? Ngã và cái thu摄 với ngã diệt một nên diệt cả hai là trí vô ngã.*

Khi không thấy có ngã và nhận ra cái thu摄 với ngã, đó là trí huệ thấy được tánh Không, gọi là trí vô ngã.

*3. Diệt được trí vô ngã, đó là thối quán. Diệt được trí vô ngã, ngũ căn là hình có.*

Thối quán là thấy ngã và pháp đều không có ngã, không có tánh. Trí vô ngã này diệt được khi bước vào Kiến Đạo hoặc Thông Đạo. Còn gọi là Con đường Thấy (the path of seeing), theo cách dịch của Tây phương. Trí vô ngã là thấy trực tiếp tánh Không, không còn qua lý luận, phân tích, quan sát, nên còn được gọi là Căn bản trí hay Tự nhiên trí.

*4. Ngã thì ở trong, cái thuộc ngã thì ở ngoài, cả hai đều t h t tr thành không có. Các th cũng đi t m t, th đi t thì thân đi t.*

Nếu thân đi t t c là h t thân ki n, th t th y tánh Không. H t thân ki n là đ c Nh p L u (vào dòng), t ng b c đ u tiên trong b n b c Thánh c a con đ ng A La Hán. Đó cũng là đ a đ u tiên th t th y Pháp thân tánh Không trong m i đ a c a con đ ng B -tát.

B ng s an tr trong đ nh và quán t ng liên t c, các phi n não ch ng và s tri ch ng n n tiêu đi t, đ l bày tánh Không. Th t th y tr c ti p tánh Không đ c Thi n tông g i là Th y Tánh (Không). M t khi th t th y tánh Không ng i ta s đi ti p cho đ n khi tánh Không tr thành viên mãn. Giai đo n này Đ i th a nói chung là “Tu T p v ”, “Con đ ng thi n đ nh”, hay “s ch ng t ng ph n Pháp thân”.

*5. Do nghi p và phi n não đi t, thì g i là Gi i Thoát. Nghi p và phi n não v n không th t, khi y nh p vào tánh Không, các h y lu n đi t h t.*

Nếu kiên trì đi h t con đ ng Tu t p hay Con đ ng Thi n đ nh, ng i ta đ n đ c Con đ ng Không còn tu n a (Vô công đ ng đ o), hoàn toàn gi i thoát. S gi i thoát hoàn toàn đ c c Nam tông và B c tông g i là Không, Vô t ng, Vô nguy n. Đ i th a còn g i là Vô sanh pháp nh n.

*6. Ch Ph t ho c thuy t gi ng v ngã, ho c thuy t gi ng v vô ngã. Trong th t t ng c a t t c các pháp, không h có ngã và ch ng ph i ngã.*

Trong tánh Không, ngã và ch ng ph i ngã ch là v ng t ng h y lu n. Nh L c T nói “B n lai vô nh t v t”.

*7. Th t t ng c a t t c các pháp thì đ t tuy t ngôn ng và tâm hành, không có sanh không có đi t, v n t ch đi t nh Ni t-bàn.*

Quán tánh Không là thể tánh của tất cả các pháp, trong đó không có mọi ý niệm, ngôn ngữ, và tâm hành, không sanh cũng không diệt. Không sanh và không diệt vì, “Các pháp không sanh ra từ chính nó, không từ cái khác mà sanh, cũng không từ cái hai, cũng không phải không có nhân, thế nên, biết tất cả pháp vốn vô sanh”, như câu kệ đầu tiên của phẩm I, Quán Nhân Duyên.

*8. Hết thảy pháp đều thế, và a thế và a chẳng thế, và chẳng phải thế chẳng phải phi thế. Đó là pháp của chơn Phật.*

Quán tánh Không là thể cú (bốn câu: có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không), tuy tách bạch phi (đặt hết mọi thứ cái “chẳng phải”). Là thể cú, tuy tách bạch phi là một câu nói thể tánh dùng trong Thiền tông. Chúng ta có thể nhớ đến bài kệ “Câu có, câu không” của vua Trần Nhân Tông.

*9. Tất cả chẳng biết, không theo ai, tất cả đều không có ý luận. Không khác, không phân biệt. Đó chính là thể tánh Phật.*

Khi quán thể tánh Không, thì tánh Không thể hiện bày trước mắt. Tánh Không thể hiện bày khi các thể tánh sai khác hiển lộ đã tịch diệt.

*10. Nếu pháp theo duyên sanh, thì pháp ấy không phải đang như thế cũng không phải khác biệt với nhân. Đó gọi là thể tánh Phật, chẳng đo lường cũng chẳng thể lường.*

Ngay đến thể tánh, như pháp thể tánh, thì thoát khỏi sanh tử, và có thể giúp người khác thoát khỏi sanh tử.

*11. Chẳng phải là một, chẳng phải khác, chẳng phải thế cũng chẳng phải đo lường. Đó là vị cam lộ mà chơn Thiền Tôn giáo hóa.*

## Quán tánh không theo trung quán luận

Viết bởi Administrator

---

Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, chẳng phải đoan, đó là công án hay thoại đầu mà một vị tu Thiền theo phái Lâm Tế phải thấu qua. Thấu qua được thì vượt qua Tội số quan hay sanh tử quan.

*12. Nếu Phật không xuất hiện ở thế gian, khi Phật pháp đã mất ở thế gian, các vị Bích Chi Phật do xa lìa thế gian mà phát sanh trí vô ngã này.*

Trung Luận đã phá tất cả các thế gian. Khi các thế gian đều được xa lìa thì trí huệ Bát-nhã và tánh Không, cả hai hợp nhất, xuất hiện. *Kinh Kim Cáo* nói: “Lìa tất cả các thế gian gọi là chơn Phật”.

Tóm lại, Trung Quán luận, gồm 27 phẩm, là 27 pháp thực hành quán thế gian hàng ngày, ít nhất chúng sẽ bớt phiền não, bớt khổ đau, vì phiền não và khổ đau là do chấp ngã và chấp pháp. Khi phiền não và khổ đau bớt dần dần thì tự nhiên có hạnh phúc an lạc dần đó.

Đi với người quy tâm cao hơn, nghiên cứu (Văn), tu duy (Tư), thực hành (Tu) liên tục, có khi may mắn có được sự hướng dẫn của những thiện tri thức, sẽ có lúc thực sự bước vào con đường đạo, thấy rõ các tội lỗi và sống được tánh Không, và tiếp tục đi cho rốt ráo, viên mãn.

Chúng ta hãy chiêm nghiệm một đoan trong *Bài ca Chơn Ngã trong Hang Tịch Quang* của Milarepa:

Thức dậy bởi dòng lệ sâu xa, bao la và kiên cố

Cả Bồ-đề tâm được phát động mạnh mẽ

Tôi nhìn trở đi trở lại vào tánh Không nên tịnh

## Quán tánh không theo trung quán luận

Viết bởi Administrator

---

Vì sự chăm sóc dẫu dằng không chừng nhậm

Thoát ngoài mọi hy vọng và thất vọng.

Hãy biết rằng tôi đã du hành qua con đường thiển nhứt đẽp này

Giờ đây tôi nhìn nó với quán thấy tuyệt.

Hãy biết tôi đã đến trong xứ không còn phải du hành;

Hãy biết tôi có biết mà không cần xây.

Hãy biết rằng tôi đang xem quang cảnh không thể thấy.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra quê nhà phúc lạc.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra người phải ngu thông hạnh.

Hãy biết rằng tôi cung cấp lợi lạc cho chính tôi và những người khác.

Đây là những kho tàng của Milarepa...